

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 4 - 2020

*Tranh chấp về ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Lệ Siêng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký TAND thành phố  
Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:** Bà  
Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Văn L - sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn X, xã A, thành phố T1, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Dương Thị Cẩm T - sinh năm 1997; HKTT: thôn X, xã A, thành phố T1, tỉnh Phú Yên. Hiện ở: Xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 17 tháng 7 năm 2019 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

Anh Trần Văn L và chị Dương Thị Cẩm T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T1, ngày 20/11/2015. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó chị T không biết lý do gì vay mượn nhiều người phải lẫn trốn, không quan tâm, chăm sóc gì đến gia đình, từ tháng 8 năm 2019 đến nay chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng mạnh ai nấy sống không quan

tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm không còn và để ổn định cuộc sống nên anh L đề nghị giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Đăng K – sinh ngày 04 tháng 4 năm 2013 (hiện ở với chị T). Anh L yêu cầu giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại đơn trình bày và yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn chị Dương Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T1, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị thống nhất ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Đăng K – sinh ngày 4/4/2013 hiện đang ở với chị T, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị và anh L không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Hiện nay, chị đang cư trú tại Xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre nhưng hộ khẩu vẫn là thôn X, xã A, thành phố T1, Phú Yên, do điều kiện công việc không thường xuyên đến Tòa được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết vắng mặt đến khi kết thúc vụ việc ly hôn giữa chị và anh L.

Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 02 năm 2020 Công an xã A, thành phố T1 cung cấp: chị Dương Thị Cẩm T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã A, thành phố T1, Phú Yên nhưng khoảng giữa năm 2019 chị đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu; tình trạng mâu thuẫn của anh L và chị T thế nào địa phương không rõ vì không thấy báo địa phương hòa giải, giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 24 tháng 3 năm 2020, anh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L; 01 con chung tên Trần Đăng K – sinh ngày 4/4/2013 giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải

cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không xem xét; về án phí: đương sự chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã An Phú, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã A, thành phố T1, tỉnh Phú Yên, đồng thời nguyên đơn và bị đơn có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa là nơi giải quyết tranh chấp nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ và có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn L và chị Dương Thị Cẩm T, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85/2015 ngày 20 tháng 11 năm 2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 8 năm 2019 đến nay chị T bỏ về nhà cha mẹ tại Xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre sinh sống, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, giữa hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh L, chị T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L.

[2.2] Về con chung: anh L, chị T có 01 con chung tên Trần Đăng K – sinh ngày 4 tháng 4 năm 2013 (hiện ở với chị T). Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp nguyện vọng của cháu K (theo đơn xin được ở với mẹ) nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Trần Văn L. Anh Trần Văn L được ly hôn với chị Dương Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Giao chị Dương Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Đăng K – sinh ngày 04 tháng 4 năm 2013, anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Trần Văn L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001202 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. T1;
- UBND xã A, TP. T1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Lệ Siêng**

*Các Hội thẩm nhân dân*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Lệ Siêng**





